

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGŨ HÀNH SƠN
TP. ĐÀ NẴNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2018/DS-ST

Ngày: 24-7-2018

V/v: “*Tranh chấp đòi lại di sản thừa kế*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Công Hoan**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Tuấn Ngọc**
Ông **Nguyễn Dũng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Bích Hậu** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hòa** – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn Tp Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 87/2017/TLST- DS ngày 20 tháng 12 năm 2017 về “*Tranh chấp đòi lại di sản thừa kế*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2018/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2018/QĐST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Đoàn Văn D** - Sinh năm 1965.

Trú tại: Tổ 64, (115 cũ) phường H, quận N, TP Đà Nẵng- Có mặt.

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị A** - Sinh năm 1959 và Bà **Nguyễn Thị B** - Sinh năm 1966
Cùng trú tại tổ 57, phường H, quận N, TP Đà Nẵng.
(bà A và bà B đều vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. NLQ1 - Sinh năm 1955

Địa chỉ: tổ 30, phường H, quận N, TP. Đà Nẵng

2. NLQ2 - Sinh năm 1958

Địa chỉ: tổ 58, phường H, quận N, TP. Đà Nẵng

3. NLQ3 - Sinh năm 1960.

Địa chỉ: tổ 57, phường H, quận N, TP. Đà Nẵng

4. NLQ4 - Sinh năm 1965.

Địa chỉ: tổ 74, phường H, quận N, TP. Đà Nẵng

5. NLQ5 - Sinh năm 1968.

Địa chỉ: tổ 60 (108 cũ), phường H, quận N, TP. Đà Nẵng

6. NLQ6 - Sinh năm 1970.

Địa chỉ: tổ 107, phường H, quận N, TP. Đà Nẵng

7. NLQ7 - Sinh năm 1972.

Địa chỉ: tổ 74, phường H, quận N, TP. Đà Nẵng

8. NLQ8 - Sinh năm 1975.

Địa chỉ: tổ 43, phường H, quận N, TP. Đà Nẵng

9. NLQ9 - Sinh năm 1977

Địa chỉ: tổ 27 (tổ 51 cũ), phường H, quận N, TP. Đà Nẵng

10. NLQ10 (đã chết). Ông Bân có vợ là NLQ11 - Sinh năm 1963 và 02 người con là NLQ12 - Sinh năm 1986 và NLQ13 - Sinh năm 1988. Cùng trú tại: Tổ 20, phường H, quận N. TP. Đà Nẵng – NLQ11, NLQ12 và NLQ13 đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

11. NLQ14 - Sinh năm 1936.

Trú tại: tổ 64 (115 cũ), phường H, quận N, TP. Đà Nẵng.

12. NLQ15 - Sinh năm 1963.

Trú tại: tổ 64 (115 cũ), phường H, quận N. TP. Đà Nẵng

13. NLQ16

Địa chỉ: Đường V, phường H, quận N, TP. Đà Nẵng.

14. NLQ17

Địa chỉ: Đường B, phường H, quận N, TP. Đà Nẵng.

(Tất cả những người liên quan đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/12/2017, các bản trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Đoàn Văn D trình bày:

Mẹ tôi là bà Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1938, chết ngày 29/4/2017, bà Tr có chồng là ông Đoàn Văn C1 đã chết năm 1966, ông bà nội, ngoại của cha mẹ tôi đều đã chết trước khi mẹ cha tôi chết. Cha mẹ tôi chỉ có một người con duy nhất là tôi - Đoàn Văn D.

Năm 1995, mẹ tôi được UBND huyện Hòa Vang cấp 1.089m² đất tại thửa 126, tờ bản đồ số 9 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 607. Lúc sinh thời mẹ tôi có xây dựng hai ngôi nhà liền kề để ở và thờ tự, ngoài ra trên diện tích đất này mẹ tôi có cho di ruột của tôi là NLQ14 xây dựng một ngôi nhà để ở và bà có cho tộc Nguyễn Xây dựng một ngôi nhà thờ. Năm 2004, đất nằm trong dự án giải tỏa nên bị Nhà nước thu hồi toàn bộ diện tích.

Tại thời điểm, làm thủ tục giải tỏa đền bù, bản thân tôi đi làm ăn xa không có ở nhà. Mẹ tôi có nhờ ông Nguyễn C5 đứng tên dùm 1 ngôi nhà trên diện tích đất nói trên để giải quyết các chính sách giải tỏa đền bù. Theo đó, mẹ tôi đã hợp thức hóa các giấy tờ đất để xác lập hồ sơ giải tỏa đền bù mang tên ông Nguyễn C5. Sau khi kiểm định giải tỏa, đền bù thì hồ sơ 208 của ông Nguyễn C5 được bố trí 01 lô đất chính và 01 lô phụ đường 5,5 tại khu tái định cư Đông Hải. Đây là tài sản của mẹ tôi nhờ ông C5 đứng tên dùm.

Sau khi tôi đi làm ăn xa về biết sự việc nên sợ sau này sẽ rắc rối trong việc xác định tài sản nên tôi có nói ông C5 viết một tờ giấy xác nhận việc chỉ đứng tên dùm cho nhà đất của bà Nguyễn Thị Tr có chữ ký của người làm chứng là NLQ6 (con trai ông C5). Đến năm 2017 mẹ tôi chết, năm 2015 ông C5 chết, tôi là con trai duy nhất của bà Tr yêu cầu các con ông C5 trả lại phần đất được nhận theo hồ sơ đứng tên dùm thì các con ông Nguyễn C5 gồm 12 người thì tất cả đều đồng ý trả lại cho tôi nhưng bà Nguyễn Thị A và bà Nguyễn Thị B không đồng ý. Do đó gia đình tôi không thể giải quyết để nhận đất và bàn giao mặt bằng cho dự án.

Vì vậy, tại phiên tòa hôm nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Thị B và những người liên quan trả lại cho tôi phần đất và tài sản gắn liền trên đất tại tổ 64 phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng mà ông C5 đã đứng tên dùm để tôi được liên hệ với NLQ15, giải quyết các vấn đề về giải tỏa đền bù và bố trí tái định cư đối với thửa đất số 126, tờ bản đồ số 9 có diện tích 350m² và tài sản gắn liền với đất.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Thị B, NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ5, NLQ6, NLQ7, NLQ8 và NLQ9 từ chối nhận các văn bản tố tụng, không tham gia các phiên hòa giải và có gửi đến Tòa án một bản trình bày có nội dung cơ bản như sau:

Thứ nhất: Nếu Chính quyền đã thừa nhận và ký xác nhận việc ông Nguyễn C5 đứng tên trong phần đất đó là đúng thì sau khi ba chúng tôi chết, chúng tôi là người thừa kế hàng thứ nhất chúng tôi sẽ thực hiện lời hứa của ông là cho NLQ14 và bà Tr một lô đất và cả tiền đền bù đất.

Thứ hai: Nếu Tòa án xét thấy việc chính quyền xác nhận ba chúng tôi đứng tên vào phần đất đó và Nhà Nước đồng ý bồi thường cho ông hai lô đất là sai, không được thừa nhận thì chúng tôi không thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn C5, chúng tôi không có quyền cho hay không cho, không có trách nhiệm phải trả hay không trả. Nếu như vậy thì gia đình chúng tôi không liên quan. Tòa án cứ tùy ý thực hiện theo chức

trách, nhiệm vụ của mình, gia đình chúng tôi sẽ không tham gia bất kỳ một cuộc họp nào, không có nghĩa vụ phải ký giấy ủy quyền để ông Đoàn Văn D nhận đất.

Về tờ giấy đứng tên dùm do ông Nguyễn C5 ký mà ông Đoàn Văn D cung cấp cho Tòa án chúng tôi không thừa nhận.

Thứ nhất, về mặt pháp lý là không đúng quy định, giấy không có chữ ký và dấu xác nhận của chính quyền địa phương.

Thứ hai: Căn cứ theo nội dung và thời gian trong giấy đó chúng tôi thấy không hợp lý. Trước hết, nếu theo thời gian ký trong giấy đó thì giấy được viết vào năm 2007, cách đây 10 năm. Vào thời điểm đó, ba chúng tôi rất minh mẫn (ông chỉ đau và nằm viện trong thời gian 01 tháng và mất vào tháng 12/ 2015) thì tại sao ông lại ghi ông ở Sơn Thủy, phường Hòa Hải, một nơi mà ông chưa hề ở đó. Hơn nữa, vì sống chung với ông mấy chục năm nên chúng tôi biết rất rõ chữ viết và chữ ký của ba chúng tôi không phải là như vậy. Thắc mắc và đem điều này hỏi ông D, ông D đã thừa nhận là do NLQ14 nhờ ai đó viết chứ ông không biết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ14, NLQ1, NLQ4, NLQ12, NLQ13 có bản trình bày:

Ông Đoàn Văn D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị A; bà Nguyễn Thị B và những người liên quan trả lại cho ông phần đất mà ông C5 đã đứng tên thì chúng tôi đồng ý. Yêu cầu Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, NLQ16, có văn bản trình bày: Theo nội dung vụ án có liên quan đến yêu cầu trả lại đất do đứng tên dùm. Căn cứ các chức năng nhiệm vụ của Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất số 2 không tham dự các phiên hòa giải. Sau khi có phán quyết của Tòa án, đề nghị gửi cho Chi nhánh 01 bản để biết và thực hiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, NLQ17: Không có bản trình bày về nội dung và chỉ đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu về việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng, khẳng định Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án. Về người tham gia tố tụng: Cơ bản, đương sự đã chấp hành đúng quy định pháp luật. Riêng bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tuân theo triệu tập của Tòa án, vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình. Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện: “*Tranh chấp đòi lại di sản thừa kế*” của ông Đoàn Văn D đối với bà Nguyễn Thị A và bà Nguyễn Thị B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Thị B và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ5, NLQ6, NLQ7, NLQ8, NLQ9, NLQ11, NLQ12, NLQ13, NLQ14, NLQ15, NLQ16, NLQ17, tất cả đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt.

Căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo thủ tục chung, những người vắng mặt phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình.

[2] Về nội dung tranh chấp :

Bà Nguyễn Thị Tr và NLQ14 đã cùng sinh sống trên thửa đất tại tổ 64 (tổ 115 cũ), từ trước năm 1975. Năm 1995 bà Nguyễn Thị Tr được UBND huyện Hòa Vang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 607 với diện tích 1.089m² đất tại thửa 126, tờ bản đồ số 09.

Lúc sinh thời, bà Tr có xây dựng hai ngôi nhà liền kề để ở và thờ tự ông bà, ngoài ra trên diện tích đất này bà Tr có cho em ruột là NLQ14 xây dựng một ngôi nhà để ở và bà có cho tộc Nguyễn xây dựng một ngôi nhà thờ. Năm 2004, đất nằm trong dự án giải tỏa nên bị Nhà nước thu hồi toàn bộ diện tích.

Tại thời điểm làm thủ tục giải tỏa đền bù, ông D đi làm ăn xa không có ở nhà. Mẹ và dì ruột của ông là NLQ14 có nhờ ông Nguyễn C5 là anh bà con của bà Tr, NLQ14 đứng tên dùm 1 ngôi nhà của bà Tr trên diện tích đất nói trên để giải quyết các chính sách giải tỏa đền bù. Kết quả kiểm định giải tỏa, đền bù thì hồ sơ số 208 của ông Nguyễn C5 được bố trí 01 lô đất chính đường 5,5m và 01 lô đất phụ đường 5,5m tại khu tái định cư Đông Hải và số tiền đền bù hỗ trợ đất và tài sản trên đất là 154.284.900đ.

Sau khi ông D biết sự việc và lúc này bà Tr mẹ ông D đã bị đau không còn minh mẫn nên ông và NLQ14 có nói ông C5 viết một tờ giấy xác nhận việc chỉ đứng tên dùm cho nhà đất của bà Nguyễn Thị Tr. Đến năm 2015 ông C5 chết, năm 2017 bà Tr chết. Ông D là người thừa kế duy nhất của bà Tr nhờ các con ông C5 ủy quyền để ông được nhận đất và tiền đền bù tại Ban quản lý dự án thì đã phát sinh mâu thuẫn giữa ông với bà A và bà B. Sau khi UBND phường Hòa Hải và UBND quận Ngũ Hành Sơn hòa giải không thành nên ông làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn giải quyết buộc bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Thị B và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả lại cho ông phần đất và tài sản gắn liền trên đất tại tổ 64 phường Hòa Hải mà ông C5 đã đứng tên dùm để ông được liên hệ với Ban quản lý dự án giải quyết các vấn đề về giải tỏa đền bù và bố trí tái định cư.

Hội đồng xét xử nhận định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ đã xác định được sự thật diện tích đất 1.089m² tại thửa 126, tờ bản đồ số 09 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 607 là của bà Nguyễn Thị Tr.

Bà Tr và NLQ14 là hai chị em ruột cùng có hoàn cảnh chồng chết và sống phần đời góa bụa như nhau. Do hai người là chị em ruột thịt đùm bọc nhau nên lúc sinh thời bà Tr đã nhường cho NLQ14 một phần đất để làm nhà trên diện tích đất bà được UBND huyện Hòa Vang cấp giấy chứng nhận. Theo kết quả xác minh thì ông Nguyễn C5 không hề sinh sống trên phần đất này. Nhưng do tại thời điểm giải tỏa đền bù bà Tr và NLQ14 là những người thiếu hiểu biết về các chính sách của Nhà Nước nên nghĩ rằng việc nhờ ông Nguyễn C5 là anh bà con của bà Tr đứng tên đùm một ngôi nhà sẽ được lợi hơn về việc bố trí tái định cư sau này.

Về bản chất sự việc: Bản thân ông Nguyễn C5 và đa số các con của ông Nguyễn C5 đều biết rõ như vậy. Tại biên bản cuộc họp ngày 16/8/2017 của UBND quận Ngũ Hành Sơn do ông Huỳnh Cự - Phó Chủ tịch chủ trì có sự tham gia của các ban ngành liên quan và có các đại diện của con ông C5 đã thống nhất nội dung: “Các người con của ông Nguyễn C5 thống nhất không nhận 02 lô đất đã bố trí tái định cư cho ông Nguyễn C5 tại hồ sơ giải tỏa đền bù số 208. Để lại cho bà Nguyễn Thị Tr (ông D đại diện) lô đất phụ và để lại cho NLQ14 lô đất chính đường 5,5m”. Tiếp theo tại biên bản lập ngày 08/9/2017 của các con của ông C5 đã có nội dung thỏa thuận: “Cho bà Tr một lô đất phụ đường 5,5m cùng với tiền đền bù kiến trúc và các hỗ trợ khác còn NLQ14 một lô đất chính đường 5,5m”.

Tuy nhiên, do cách xử sự của NLQ14 và ông Đoàn Văn D đối với các con ông C5 thiếu tế nhị, đặc biệt là đối với bà A và bà B nên những người này có phản ứng không ủng hộ để ông D nhận đất nên mới kéo dài việc bàn giao mặt bằng và dẫn đến vụ án này.

Hội đồng xét xử xét thấy, các con của ông Nguyễn C5 không hề có ý tranh dành tài sản, việc ông Nguyễn C5 là cha của những người này đứng tên đùm trong hồ sơ giải tỏa là xuất phát từ ý tốt muốn giúp đỡ bà Tr. Nhưng khi ông C5, bà Tr không may qua đời thì NLQ14 và ông D đã không khéo trong việc nhờ các người con ông C5 ký ủy quyền để nhận đất, thậm chí còn hiểu sai thành ý của những người này và đã có lời lẽ xúc phạm bà A và bà B nên họ không tiếp tục giúp đỡ ông D trong việc giải quyết giải tỏa đền bù mà bỏ mặc ông D muốn làm gì thì làm. Do đó, trong quá trình giải quyết vụ án, bà A, bà B và những người con của ông C5 không tham gia hòa giải, không hợp tác với Tòa án để giải quyết vụ án nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được và chỉ ghi nhận ý chí của những người này thông qua bản trình bày chung: “Nếu Tòa án xét thấy việc chính quyền xác nhận ba chúng tôi đứng tên vào phần đất đó và Nhà nước đồng ý bồi thường cho ông hai lô đất là sai, không được thừa nhận thì chúng tôi không thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn C5, chúng tôi không có quyền cho hay không cho, không có trách nhiệm phải trả hay không trả. Nếu như vậy thì gia đình chúng tôi không liên quan. Tòa án cứ tùy ý thực hiện theo chức trách, nhiệm vụ của mình, gia đình chúng tôi sẽ không tham gia bất kỳ một cuộc họp nào nữa, không có nghĩa vụ phải ký giấy ủy quyền để ông Đoàn Văn D nhận đất”. Từ lời trình bày này, HĐXX xét thấy đây là phản ứng của việc NLQ14 và ông

D đã không xử sự đúng mức và thiếu tôn trọng đối với họ chứ không thể hiện việc tranh dành quyền lợi gì khác.

Xét phần trình bày của các con ông C5 là bà Nguyễn Thị A, Nguyễn Thị B, NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ5, NLQ6, NLQ7, NLQ8, NLQ9 về: “Căn cứ theo nội dung và thời gian trong giấy đó chúng tôi thấy không hợp lý. Trước hết, nếu theo thời gian ký trong giấy đó thì giấy được viết vào năm 2007, cách đây 10 năm. Vào thời điểm đó, ba chúng tôi rất minh mẫn (ông chỉ đau và nằm viện trong thời gian 01 tháng và mất vào tháng 12/2015) thì tại sao ông lại ghi ông ở Sơn Thủy, phường Hòa Hải, một nơi mà ông chưa hề ở đó. Hơn nữa, vì sống chung với ông mấy chục năm nên chúng tôi biết rất rõ chữ viết và chữ ký của ba chúng tôi không phải là như vậy. Thắc mắc và đem điều này hỏi ông D, ông D đã thừa nhận là do NLQ14 nhờ ai đó viết chứ ông không biết”.

Hội đồng xét xử xét thấy: Về phần chữ viết trong giấy đứng tên dùm, có thể là chính chữ viết của ông C5 và cũng rất có thể là ông C5 không trực tiếp viết. Nhưng về phần chữ ký có thể khẳng định các con ông C5 đã mặc nhiên thừa nhận đó là ý chí của cha mình dựa trên các phân tích như sau: Thứ nhất, trong văn bản này có chữ ký của NLQ6 là con trai của ông C5 và được NLQ1 là con trai trưởng thừa nhận. Hơn nữa, nếu đây là văn bản giả mà do phía nguyên đơn dựng lên để chiếm đoạt tài sản của cha mình thì NLQ6 (người ký làm chứng trong giấy đứng tên dùm) tất nhiên đã lên tiếng bảo vệ quyền lợi của gia đình. Nhưng tại các biên bản cuộc họp cũng như biên bản thỏa thuận NLQ6 là người luôn luôn ủng hộ việc giao 02 lô đất cho bà Tr và NLQ14. Do đó có thể thấy quá trình giải quyết đã xảy ra mâu thuẫn tình cảm giữa các bên mà thôi.

Ngoài ra, khi một số người phía bị đơn có ý kiến không thừa nhận văn bản và chữ ký của ông C5, Tòa án đã thông báo cho phía bị đơn biết về quyền được yêu cầu giám định chữ ký thì không ai có ý kiến gì. Điều đó, có thể nhận định rằng các bên không cần quan tâm đến kết quả giải quyết vụ án mà chỉ cố tình làm khó cho ông D mà thôi. Mặt khác, Trong quá trình giải quyết vụ án, ngoài bản trình bày nêu trên, bà A, bà B và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan từ chối không đến Tòa án để tham gia các phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt là mặc nhiên từ bỏ quyền lợi của mình nên phải chịu hậu quả pháp lý.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là mẹ con NLQ14 và NLQ15 là những người chung sống trên cùng thửa đất cũng đã có bản trình bày đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn D và họ không có bất kỳ yêu cầu hay khiếu nại gì.

Từ những nhận định ở trên, HĐXX xét thấy có đủ cơ sở chấp nhận đơn khởi kiện của ông Đoàn Văn D, cần tuyên buộc bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Thị B và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ5, NLQ6, NLQ7, NLQ8, NLQ9, , NLQ12, NLQ13 phải trả lại cho ông Nguyễn D toàn bộ thửa đất số 126, tờ bản đồ số 9 có diện tích 350m² và tài sản gắn liền với đất có tứ cận như sau:

- Đông giáp đường đất

- Tây giáp nhà thờ tộc Nguyễn
- Bắc Giáp nhà bà Nguyễn Thị Tr (ông Đoàn Văn D hiện đang ở)
- Nam giáp nhà NLQ14.

Ông Đoàn Văn D được quyền liên hệ với Ban quản lý dự án giải quyết các vấn đề về giải tỏa đền bù, bàn giao mặt bằng và bố trí tái định cư đối với tài sản nói trên.

Về giá trị tài sản đang tranh chấp: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có yêu cầu lấy giá trị đền bù đất và tài sản trên đất của BA quản lý dự án là 154.284.900đ để làm cơ sở giải quyết vụ án. Tòa án đã có văn bản thông báo về giá cho bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không ai có ý kiến gì. HĐXX xét thấy giá mà Ban quản lý dự án đã áp giá cho phần đất đang có tranh chấp là phù hợp với ý chí của Nhà Nước và không có tranh chấp của các bên đương sự nên chấp nhận.

[3] Về án phí: Theo quy định của pháp luật thì nếu HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện thì bị đơn phải chịu án phí. Tuy nhiên, HĐXX xét thấy nguyên nhân phát sinh ra vụ tranh chấp này là có một phần lỗi của phía nguyên đơn và ông D cũng đã thừa nhận việc đó đồng thời tự nguyện chịu phần án phí và lệ phí giải quyết vụ án. HĐXX xét thấy đây là sự tự nguyện không trái với pháp luật và đạo đức xã hội nên chấp nhận. Theo đó ông D phải chịu phần án phí cụ thể như sau: $154.284.900đ \times 5\% = 7.714.000đ$

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 166, Điều 612 Bộ luật dân sự ; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện: “*Tranh chấp đòi lại di sản thừa kế*” của ông Đoàn Văn D đối với bà Nguyễn Thị A và bà Nguyễn Thị B.

Tuyên xử:

[1] Buộc bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Thị B và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ5, NLQ6, NLQ7, NLQ8, NLQ9, , NLQ12, NLQ13 phải trả lại cho ông Đoàn Văn D toàn bộ thửa đất số 126, tờ bản đồ số 9 có diện tích 350m² và tài sản gắn liền với đất có tứ cận như sau:

- Đông giáp đường đất
- Tây giáp nhà thờ tộc Nguyễn
- Bắc Giáp nhà bà Nguyễn Thị Tr (ông Đoàn Văn D hiện đang ở)
- Nam giáp nhà NLQ14.

Ông Đoàn Văn D được quyền liên hệ với Ban quản lý dự án giải quyết các vấn đề về giải tỏa đền bù, bàn giao mặt bằng và bố trí tái định cư đối với tài sản nói trên.

[2] Lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Đoàn Văn D tự nguyện chịu (đã nộp và chi xong)

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đoàn Văn D tự nguyện chịu 7.714.000đ, nhưng được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 1677 ngày 13/12/2017 tại Chi cục Thi hành án quận Ngũ Hành Sơn. Ông D còn phải tiếp tục nộp 7.414.000đ (bảy triệu, bốn trăm mười bốn nghìn đồng).

[4]Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự
- Chi cục THADS quận NHS,
- VKSND quận NHS
- Lưu hồ sơ.

Trần Công Hoan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA